TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.
2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M** – sinh ngày: 01/01/1984 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Văn Đức D** – sinh năm: 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị M có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 chị Trần Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Văn Đức D do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Thiện ngày 15/10/2015. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường hay đánh chị vì những lý do vô cớ nhưng vì thương con nên chị cố chịu đựng mong anh D thay đổi tính tính nhưng anh D không thay đổi tính tình mà ngày càng trầm trọng hơn, anh D vẫn đánh chị nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị sống. Chị và anh D đã không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có hai con chung tên Văn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/9/2005 và Văn Phú L, sinh ngày 22/12/2014. Sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu T và cháu L sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Văn Đức D trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị M. Anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng cự cải anh có đánh chị M 02 bạt tay. Nay với yêu cầu ly hôn của chị M thì anh không đồng ý vì anh thương vợ thương con, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Văn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/9/2005 và Văn Phú L, sinh ngày 22/12/2014. Tại phiên tòa anh yêu cầu được đoàn tụ nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Văn Đức D.

Về con chung: Có hai con chung tên Văn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/9/2005 và Văn Phú L, sinh ngày 22/12/2014. Giao cháu Văn Thị Cẩm T cho chị Trần Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Giao cháu Văn Phú L cho anh Văn Đức D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Trần Thị M không phải cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị M đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008842, ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trần Thị M đã nộp đủ

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy khai sinh, căn cước công dân (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn, đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, sổ vay vốn, danh sách hụi, hợp đồng cho vay cầm cố tài sản, chứng từ giao dịch, đơn yêu cầu, giấy ủy quyền, giấy hỗ trợ đăng ký bảo hiểm xe máy, biên nhận nhận tiền.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị M và bị đơn anh Văn Đức D, anh D có nơi cư trú tại ấp Phước Lý Nhất, xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/10/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị M trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường hay đánh chị M vì những lý do vô cớ, sau đó chị M có nhiều lần khuyên anh D sửa đổi tính tình nhưng anh D không sửa đổi mà anh D còn tiếp tục đánh chị M nhiều lần, chị M cảm thấy lo sợ khi sống chung với anh D nên chị M đã về nhà cha mẹ ruột chị M sống. Chị M và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Anh D trình bày anh D và chị M có cự cải và anh D có đánh chị M 02 bạt tay. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh D không đồng ý mà anh D yêu cầu được đoàn tụ.

Xét yêu cầu của chị M là có cơ sở theo xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị M và anh D sinh sống thì trong thời gian anh D và chị M chung sống thì anh D đánh đập chị M rất nhiều lần, có lần anh D đánh chị M thì chị M có báo chính quyền địa phương. Tại phiên tòa anh D cũng thừa nhận có đánh chị M và anh cũng thừa nhận có lần anh đánh cháu T bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 2.500.000đ. Chị M cảm thấy lo sợ khi sống chung với anh D. Chị M và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay cho

thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Có hai con chung tên Văn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/9/2005 và Văn Phú L, sinh ngày 22/12/2014. Tại bảng khai ý kiến ngày 13/11/2022 của cháu T thì cháu T có nguyện vọng sống với chị M, anh D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi cháu T. Tại biên bản sự việc ngày 05/12/2022 thì anh D không đồng ý để Tòa án ghi ý kiến của cháu L. Hiện nay cháu L đang sống với anh D nên Hội đồng xét xử giao cháu L cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho cháu L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M.

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Văn Đức D.

Về con chung: Có hai con chung tên Văn Thị Cẩm T, sinh ngày 02/9/2005 và Văn Phú L, sinh ngày 22/12/2014. Giao cháu Văn Thị Cẩm T cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Văn Đức D không phải cấp dưỡng cho cháu Văn Thị Cẩm T. Giao cháu Văn Phú L cho anh Văn Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị M không phải cấp dưỡng cho cháu Văn Phú L. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị M và anh Văn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị M đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008842, ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Trần Thị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Quới Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh